UBND XÃ ĐÔNG ANH
**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VCGD**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01 /QĐ-HĐTD

*Đông Anh, ngày 20 tháng 10 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt nội dung, tài liệu ôn tập - Kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc xã Đông Anh năm 2026**

**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC XÃ ĐÔNG ANH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Nhà giáo ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 10/12/2025;*

*Căn cứ Nghị định Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;*

*Căn cứ Quyết định số 46/2026/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm, viên chức, người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 1584/QĐ-SGDĐT ngày 16/3/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo và nhân viên trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý;*

*Căn cứ Quyết định số 8515/QĐ-UBND ngày 17/9/2026 của UBND xã Đông Anh về việc phê duyệt chỉ tiêu và Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND xã Đông Anh năm 2026;*

*Căn cứ Thông báo số 7465/TB-UBND ngày 21/9/2026 của UBND xã Đông Anh về việc tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND xã Đông Anh năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 8554/QĐ-UBND ngày 21/9/2026 của UBND xã Đông Anh về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND xã Đông Anh năm 2026;*

*Theo đề nghị của Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Nội vụ - Tư pháp xã.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung, tài liệu ôn tập kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc xã Đông Anh năm 2026, gồm:

***1. Vòng 1:***

- Phần thi kiến thức chung: Theo Phụ lục 01.

- Phần thi tiếng Anh: Theo Phụ lục 02.

***2. Vòng 2:*** Theo Phụ lục 03.

*(Các Phụ lục 01, 02, 03 được ban hành kèm theo Quyết định này).*

**Điều 2.** Giao Phòng Nội vụ - Tư pháp tham mưu Hội đồng tuyển dụng tổ chức công khai nội dung, tài liệu ôn tập được phê duyệt tại Điều 1; thông báo, hướng dẫn để thí sinh biết, chủ động ôn tập và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng tuyển dụng viên chức xã Đông Anh năm 2026; Phòng Nội vụ - Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và thí sinh tham dự kỳ tuyển dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Lưu: VT. NVTP.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG**
**CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ**
**Nguyễn Thị Lương**

# PHỤ LỤC 01

## DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP VÒNG 1

### KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC XÃ ĐÔNG ANH NĂM 2026

### Phần thi kiến thức chung

*(Kèm theo Quyết định số 01 /QĐ-HĐTD ngày 20 /10/2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục năm 2026)*

**I. Phương thức làm bài**

- Thí sinh được kiểm tra hiểu biết về pháp luật viên chức, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng, dạng bài trắc nghiệm khách quan trên máy vi tính, mỗi câu hỏi bao gồm 04 phương án trả lời và chỉ có duy nhất một phương án đúng.

- Thời gian làm bài: 60 phút (60 câu hỏi).

**II. Nội dung ôn tập**

1. Luật Viên chức số 129/2025/QH15.

2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025.

3. Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15.

4. Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo.

5. Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

6. Nghị định số 248/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc Hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

7. Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên (không bao gồm Điều 6 đã hết hiệu lực kể từ ngày 30/01/2026) và Thông tư số 03/2026/TT-BGDĐT ngày 30/01/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định quy tắc ứng xử của nhà giáo.

8. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Ban chấp hành trung ương Đảng.

9. Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

# PHỤ LỤC 02

## DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP VÒNG 1

### KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC XÃ ĐÔNG ANH NĂM 2026

### Phần thi Tiếng Anh

*(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-HĐTD ngày 20/10/2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục năm 2026)*

**I. Hình thức và thời gian thi**

1. Hình thức: Trắc nghiệm khách quan trên máy vi tính;
2. Số lượng: 30 câu hỏi/bài thi;
3. Thời gian làm bài: 30 phút;

Mỗi câu hỏi có 04 phương án, trong đó có 01 phương án đúng hoặc phù hợp nhất.

**II. Phạm vi nội dung ôn tập**

**1. Thì và thể của động từ**

- Present simple;
- Present continuous;
- Present perfect;
- Past simple;
- Past continuous;
- Past perfect ở các trường hợp thông dụng;
- Future with will;
- Be going to;
- Present continuous for future arrangements;
- Sự phối hợp thì trong câu và trong văn bản;
- Các dấu hiệu thời gian và sự khác biệt về nghĩa giữa các thì.

**2. Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ**

- Chủ ngữ số ít, số nhiều;
- Đại từ bất định;
- Danh từ tập hợp trong các trường hợp thông dụng;
- Cấu trúc there is/there are;
- Các chủ ngữ ghép thông dụng.
-

**3. Động từ khuyết thiếu**

- Can, could;
- May, might;
- Must, have to;
- Should, ought to;
- Mustn't, don't have to, needn't;
- Would;
- Cách diễn đạt khả năng, sự cho phép, yêu cầu, nghĩa vụ, lời khuyên, dự đoán và khả năng xảy ra.

**4. Động từ nguyên mẫu và danh động từ**

- Verb + to-infinitive;
- Verb + gerund;
- Adjective + to-infinitive;
- Preposition + gerund;
- Một số cấu trúc có sự khác nhau về nghĩa khi dùng to-infinitive hoặc gerund;
- Imperatives.

**5. Câu bị động**

- Câu bị động ở hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai đơn và với động từ khuyết thiếu;
- Chuyển đổi ý nghĩa giữa câu chủ động và câu bị động;
- Câu bị động trong thông báo, quy định, hướng dẫn và văn bản hành chính thông thường.

**6. Câu điều kiện và cấu trúc giả định thông dụng**

- Zero conditional;
- First conditional;
- Second conditional;
- Unless;
- If và when trong các tình huống phù hợp;
- Wish ở một số trường hợp thông dụng phù hợp với Bậc 3.

**7. Mệnh đề quan hệ**

- Who, whom, whose;
- Which, that;
- Where, when;

- Mệnh đề quan hệ xác định và không xác định ở mức độ thông dụng;
- Lược bỏ đại từ quan hệ khi phù hợp.

**8. Câu tường thuật**

- Reported statements;
- Reported questions;
- Reported requests and commands;
- Thay đổi thì, đại từ và trạng từ chỉ thời gian, nơi chốn trong các trường hợp thông dụng.

**9. So sánh**

- Comparative;
- Superlative;
- Equality;
- Less, fewer, more;
- Too, enough;
- So và such;
- Các cấu trúc so sánh thông dụng.

**10. Mạo từ, từ hạn định và từ chỉ số lượng**

- A, an, the và trường hợp không dùng mạo từ;
- Some, any, no;
- Much, many;
- Few, a few;
- Little, a little;
- Each, every;
- Both, either, neither;
- All, most, several;
- A number of, the number of.

**11. Giới từ và cụm giới từ**

- Giới từ chỉ thời gian;
- Giới từ chỉ vị trí;
- Giới từ chỉ hướng;
- Giới từ đi sau tính từ;
- Giới từ đi sau động từ;
- Các cụm giới từ thông dụng trong đời sống, công việc và giáo dục.

**12. Liên từ và từ nối**

- And, but, or;
- Because, since, as;
- Although, though, even though;
- However, therefore;
- So, so that;
- Before, after, while, when, until, as soon as;
- First, next, then, finally;
- In addition, for example, on the other hand;
- Các từ nối biểu thị trình tự, nguyên nhân, kết quả, tương phản và bổ sung.

**13. Cấu tạo từ và từ loại**

- Danh từ, động từ, tính từ và trạng từ;
- Tiền tố, hậu tố thông dụng;
- Chuyển đổi từ loại trong ngữ cảnh;
- Phân biệt tính từ đuôi -ed và -ing;
- Danh từ đếm được và không đếm được;
- Số ít, số nhiều;
- Sở hữu cách;

**14. Câu hỏi**

- Yes/No questions;
- Wh-questions;
- Indirect questions;
- Question tags;
- Câu hỏi nhằm yêu cầu, xác nhận hoặc làm rõ thông tin.

**15. Từ vựng**

- Nghĩa của từ và cụm từ;
- Từ đồng nghĩa và trái nghĩa thông dụng;
- Collocations;
- Phrasal verbs thông dụng;
- Lựa chọn từ phù hợp với ngữ cảnh;
- Cách dùng từ trong văn phong đời sống và công việc.
-

**16. Chức năng giao tiếp**

- Chào hỏi và giới thiệu;
- Cảm ơn và đáp lại lời cảm ơn;
- Xin lỗi và đáp lại lời xin lỗi;
- Yêu cầu và đề nghị;
- Xin phép và cho phép;
- Đưa ra lời khuyên;
- Đưa ra lời mời và đáp lại lời mời;
- Đề xuất và thảo luận phương án;
- Đồng ý và không đồng ý;
- Trình bày ý kiến;
- Hỏi lại và làm rõ thông tin;
- Phàn nàn và phản hồi;
- Sắp xếp thời gian, lịch hẹn;
- Chỉ dẫn đường đi;
- Trao đổi thông tin qua điện thoại hoặc thư điện tử;
- Giao tiếp trong trường học và môi trường làm việc.

**17. Tổ chức và liên kết văn bản**

- Nhận biết câu chủ đề;
- Nhận biết trình tự các ý;
- Sắp xếp câu thành đoạn văn hợp lý;
- Sử dụng từ nối;
- Nhận biết sự liên kết giữa các câu;
- Chọn câu phù hợp để hoàn thành đoạn văn;
- Xác định câu không phù hợp với nội dung chung;
- Chọn câu tóm tắt hoặc tiêu đề phù hợp.

# PHỤ LỤC 03

## DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP VÒNG 2

### KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC XÃ ĐÔNG ANH NĂM 2026

*(Kèm theo Quyết định số 01 /QĐ-HĐTD ngày 20/10/2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục năm 2026)*

## I. Khối Mầm non

| Tài liệu sử dụng | Nội dung/Chủ đề | Phạm vi |
|---|---|---|
| - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 ban hành Chương trình giáo dục mầm non, hợp nhất Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009, Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 và Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.<br>- Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề (trẻ 5-6 tuổi). Tác giả Lê Thị Thu Hương (chủ biên); Phan Thị Ngọc Anh - Nguyễn Thị Cẩm Bích - Lương Thị Bình - Nguyễn Thùy Dương - Hoàng Thị Thu Hương - Lưu Thị Lan - Vũ Yến Khanh - Nguyễn Thị Sinh Thảo - Trần Thị Ngọc Trâm - Phùng Thị Tường - Nguyễn Thị Quyên. NXB giáo dục Việt Nam, năm 2024. | Hoạt động khám phá khoa học, thuộc lĩnh vực phát triển nhận thức, lứa tuổi mẫu giáo lớn 5-6 tuổi, trong Chương trình giáo dục mầm non. | Khám phá các giác quan |
| | | Khám phá nam châm |
| | | Khám phá gia cầm |
| | | Khám phá phương tiện giao thông đường bộ |
| | | Khám phá không khí |
| | | Khám phá tan và không tan |
| | | Khám phá lợi ích của nước |
| | Hoạt động tạo hình, thuộc lĩnh vực phát triển thẩm mĩ, lứa tuổi mẫu giáo 5-6 tuổi, trong Chương trình giáo dục mầm non. | Vẽ về biển (Đề tài) |
| | | Vẽ vườn cây ăn quả (Đề tài) |
| | | Trang trí bưu thiếp chúc mừng năm mới (Đề tài) |
| | | Vẽ cầu vồng sau cơn mưa (Đề tài) |
| | | Cắt và xé dán cảnh quê hương (Đề tài) |
| | | Vẽ dụng cụ nghề bác sĩ (Đề tài) |
| | | Gấp và dán thuyền trên biển (Đề tài) |
| | | In bàn tay tạo hình con vật (Đề tài) |
| | Làm quen với tác phẩm văn học, thuộc lĩnh vực phát triển ngôn ngữ, lứa tuổi mẫu giáo 5-6 tuổi, trong Chương trình giáo dục mầm non. | Truyện "Ai đáng khen nhiều hơn" (Đa số trẻ chưa biết) |
| | | Truyện "Cây rau của Thỏ Út" (Đa số trẻ chưa biết) |
| | | Truyện "Cây tre trăm đốt" (Đa số trẻ chưa biết) |
| | | Truyện "Hai anh em" (Đa số trẻ chưa biết) |
| | | Truyện "Con gà trống kiêu căng" (Đa số trẻ chưa biết) |

## II. Khối Tiểu học

### 1. Giáo viên văn hóa

| Tài liệu sử dụng | Nội dung/Chủ đề | Phạm vi |
|---|---|---|
| Sách giáo khoa Tiếng Việt 4 (Tập 1 + Tập 2), Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2024 | Luyện từ và câu: Động từ | Tiết 2, bài 9, tuần 5, trang 41, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập một |
| | Đọc: Gặt chữ trên non | Tiết 1, bài 15, tuần 8, trang 63-64, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập một |
| | Luyện từ và câu: Hai thành phần chính của câu | Tiết 2, bài 3, tuần 20, trang 18, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập hai |
| | Đọc: Sự tích con Rồng cháu Tiên | Tiết 1, bài 9, tuần 23, trang 40-41, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập hai |
| | Luyện từ và câu: Trạng ngữ chỉ nguyên nhân, mục đích | Tiết 2, bài 15, tuần 26, trang 65-66, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập hai |
| | Luyện từ và câu: Biện pháp nhân hóa | Tiết 2, bài 17, tuần 10, trang 78-79, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập một |
| | Luyện từ và câu: Tính từ | Tiết 2, bài 21, tuần 12, trang 94-95, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập một |
| | Luyện từ và câu: Luyện tập về chủ ngữ | Tiết 2, bài 5, tuần 21, trang 26-27, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập hai |
| | Luyện từ và câu: Luyện tập về vị ngữ | Tiết 2, bài 7, tuần 22, trang 32-33, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập hai |
| | Đọc: Sáng tháng Năm | Tiết 1, bài 11, tuần 24, trang 48-49, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập hai |
| Sách giáo khoa Toán 4 (Tập 1 + Tập 2), Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2024 | Bài 8: Góc nhọn, góc tù, góc bẹt (tiết 1) | Trang 26-27, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập một |
| | Bài 17 : Yến, tạ, tấn (Tiết 1) | Trang 56-57, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập một |
| | Bài 18: Đề-xi-mét vuông, mét vuông, mi-li-mét vuông (tiết 1) | Trang 60-61, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập một |
| | Bài 22: Phép cộng các số có nhiều chữ số (tiết 1) | Trang 76-77, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập một |
| | Bài 25: Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó (Tiết 1) | Trang 86-87, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập một |
| | Bài 31: Hình bình hà Hình thoi (Tiết 2) | Trang 107-108, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập một |

| Tài liệu sử dụng | Nội dung/Chủ đề | Phạm vi |
|---|---|---|
| | Bài 38: Nhân với số có một chữ số (Tiết 1) | Trang 4-5, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập hai |
| | Bài 47: Bài toán liên quan đến rút về đơn vị (tiết 1) | Trang 31, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập hai |
| | Bài 55: Tính chất cơ bản của phân số (Tiết 1) | Trang 56-57, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập hai |
| | Bài 64: Phép chia phân số (tiết 1) | Trang 91-92, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập hai |

## III. Khối Trung học cơ sở

### 1. Giáo viên môn Toán học

| Tài liệu sử dụng | Nội dung/Chủ đề | Phạm vi |
|---|---|---|
| Sách giáo khoa Toán lớp 7 (Tập 1 + 2) - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023 | Chương I: Số hữu tỉ | Bài 3: Lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ |
| | Chương III: Góc và đường thẳng song song | Bài 9: Hai đường thẳng song song và dấu hiệu nhận biết |
| | Chương IV: Tam giác bằng nhau | Bài 14: Trường hợp bằng nhau thứ 2 và thứ 3 của tam giác |
| | | Bài 15: Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông |
| | Chương V: Thu thập và biểu diễn dữ liệu | Bài 18: Biểu đồ hình quạt tròn |
| | Chương VI: Tỉ lệ thức và đại lượng tỉ lệ | Bài 22: Đại lượng tỉ lệ thuận |
| | | Bài 23: Đại lượng tỉ lệ nghịch |
| | Chương VII: Biểu thức đại số và đa thức một biến | Bài 25: Đa thức một biến |
| | Chương VIII: Quan hệ giữa các yếu tố trong một tam giác | Bài 32: Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên |
| | | Bài 34: Sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác trong một tam giác |
| Sách giáo khoa Toán lớp 8 (Tập 1 + 2) - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023 | Chương II: Hằng đẳng thức đáng nhớ và ứng dụng | Bài 6: Hiệu hai bình phương, bình phương của một tổng hay một hiệu |
| | | Bài 8: Tổng và hiệu hai lập phương |
| | | Bài 9: Phân tích đa thức thành nhân tử |
| | Chương III: Tứ giác | Bài 11: Hình thang cân |
| | | Bài 12: Hình bình hành |
| | Chương IV: Định lý Thalès | Bài 15: Định lí Thalès trong tam giác |
| | | Bài 16: Đường trung bình của tam giác |
| | | Bài 17: Tính chất đường phân giác của tam giác |
| | Chương V: Dữ liệu và biểu đồ | Bài 19: Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ |
| | | Bài 20: Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ |

**2. Giáo viên môn Ngữ văn**

| Tài liệu sử dụng | Nội dung/Chủ đề | Phạm vi |
|---|---|---|
| Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 7 (Tập 1 + 2) - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023 | Chủ đề 1: Đọc văn bản | Bài 1: Bầu trời tuổi thơ. Văn bản 1: Bầy chim chìa vôi - Nguyễn Quang Thiều (trang 11, tập 1) |
| | | Bài 4: Giai điệu đất nước. Văn bản 1: Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải (trang 90, tập 1) |
| | | Bài 7: Thế giới viễn tưởng. Văn bản 1: Cuộc chạm trán trên đại dương (trích Hai vạn dặm dưới biển, Giuyn Vec-nơ) (trang 27, tập 2) |
| | | Bài 8. Trải nghiệm để trưởng thành. Văn bản 3: Nói với con - Y Phương (trang 65, tập 2) |
| | Chủ đề 2: Viết | Bài 3: Cội nguồn yêu thương. Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật một tác phẩm văn học (trang 74, tập 1) |
| | | Bài 9: Hòa điệu với tự nhiên. Viết văn bản thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động (trang 91, tập 2) |
| | | Bài 10: Trang sách và cuộc sống. Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc (trang 112, tập 2) |
| | Chủ đề 3: Thực hành tiếng Việt | Bài 1: Bầu trời tuổi thơ. Thực hành tiếng Việt: Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ (trang 17, tập 1) |
| | | Bài 7: Thế giới viễn tưởng. Thực hành tiếng Việt: Mạch lạc và liên kết (trang 34, tập 2) |
| | Chủ đề 4: Nói và nghe | Bài 7: Thế giới viễn tưởng. Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người (trang 42, tập 2) |
| Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 8 (Tập 1 + 2) - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023 | Chủ đề 1: Đọc văn bản | Bài 2: Vẻ đẹp cổ điển. Văn bản 1: Thu điếu - Nguyễn Khuyến (trang 40, tập 1) |
| | | Bài 5: Những câu chuyện hài. Văn bản 2: Chùm truyện cười dân gian Việt Nam (trang 108, tập 1) |
| | | Bài 6: Chân dung cuộc sống. Văn bản 2: Lặng lẽ Sa pa (trích, Nguyễn Thành Long) (trang 15, tập 2) |
| | | Bài 7: Tin yêu và ước vọng. Văn bản 1: Đồng chí (Chính Hữu) (trang 37, tập 2) |
| | Chủ đề 2: Viết | Bài 5: Những câu chuyện hài. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (trang 114, |

| Tài liệu sử dụng | Nội dung/Chủ đề | Phạm vi |
|---|---|---|
| | | tập 1) |
| | | Bài 6: Chân dung cuộc sống. Viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện (trang 26, tập 2) |
| | | Bài 9: Hôm nay và ngày mai. Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên (trang 102, tập 2) |
| | Chủ đề 3: Thực hành tiếng Việt | Bài 4: Tiếng cười trào phúng trong thơ. Thực hành tiếng Việt: Nghĩa của một số từ, thành ngữ Hán Việt (trang 84, tập 1) |
| | | Bài 8: Nhà văn và trang viết. Thực hành tiếng Việt: Thành phần biệt lập (trang 66, tập 2) |
| | Chủ đề 4: Nói và nghe | Bài 2: Vẻ đẹp cổ điển: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại) (trang 53, tập 1) |

**3. Giáo viên môn Vật lí**

| Tài liệu sử dụng | Nội dung/Chủ đề | Phạm vi |
|---|---|---|
| Sách giáo khoa Khoa học tự nhiên 7 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2024 | Chương III. Tốc độ | Bài 8: Tốc độ chuyển động |
| | | Bài 9: Đo tốc độ |
| | Chương IV. Âm thanh | Bài 12: Sóng âm |
| | | Bài 13: Độ to và độ cao của âm |
| | | Bài 14: Phản xạ âm, chống ô nhiễm tiếng ồn |
| | Chương V. Ánh sáng | Bài 15: Năng lượng ánh sáng. Tia sáng, vùng tối |
| | | Bài 16: Sự phản xạ ánh sáng |
| | | Bài 17: Ảnh của vật qua gương phẳng |
| | Chương VI. Từ | Bài 18: Nam châm |
| | | Bài 19: Từ trường |
| Sách giáo khoa Khoa học tự nhiên 8 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2024 | Bài 13. Khối lượng riêng | Cả bài |
| | Bài 15. Áp suất trên một bề mặt | Phần II. Áp suất |
| | Bài 16. Áp suất chất lỏng - Áp suất khí quyển | Phần I. Áp suất chất lỏng |

| Tài liệu sử dụng | Nội dung/Chủ đề | Phạm vi |
|---|---|---|
| | Bài 17. Lực đẩy Archimedes | Phần II. Độ lớn của lực đẩy Archimedes |
| | Bài 18. Tác dụng làm quay của lực. Moment lực | Phần II. Moment lực |
| | Bài 19. Đòn bẩy và ứng dụng | Phần II. Các loại đòn bẩy |
| | Bài 23. Tác dụng của dòng điện | Phần I. Tác dụng nhiệt + Phần II.Tác dụng phát sáng |
| | Bài 24. Cường độ dòng điện và hiệu điện thế | Phần I. Cường độ dòng điện |
| | Bài 28. Sự truyền nhiệt | Phần I. Dẫn nhiệt |
| | Bài 29. Sử nở vì nhiệt | Phần II. Sự nở vì nhiệt của chất lỏng |

**4. Giáo viên môn Công nghệ**

| Tài liệu sử dụng | Nội dung/Chủ đề | Phạm vi |
|---|---|---|
| Sách giáo khoa Công nghệ lớp 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam., năm xuất bản 2024. | Chương I. Trồng trọt | Bài 1: Giới thiệu về trồng trọt |
| | | Bài 2: Làm đất trồng cây |
| | | Bài 3: Gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng |
| | | Bài 5: Nhân giống vô tính cây trồng |
| | Chương II. Lâm nghiệp | Bài 7: Giới thiệu về rừng |
| | | Bài 8: Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng |
| | Chương III. Chăn nuôi | Bài 9: Giới thiệu về chăn nuôi |
| | | Bài 10: Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi |
| | | Bài 11: Phòng và trị bệnh cho vật nuôi |
| | Chương IV. Thủy sản | Bài 14: Giới thiệu về thủy sản |
| Sách giáo khoa Công nghệ lớp 8 – Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam., năm xuất bản 2024. | Bài 1: Một số tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật | Tiết 1. Một số tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật |
| | Bài 2: Hình chiếu vuông góc | Tiết 2. Phần I: Phương pháp các hình chiếu vuông góc |
| | | Tiết 4. Phần III: Hình chiếu vuông góc của khối tròn xoay |
| | Bài 3: Bản vẽ chi tiết | Tiết 5. Phần I: Nội dung của bản vẽ chi tiết |
| | Bài 4: Bản vẽ lắp | Tiết 9. Phần II: Đọc bản vẽ lắp |
| | Bài 6: Vật liệu cơ khí | Tiết 13. Phần I: Khái quát về vật liệu cơ khí + Phần II: Các vật liệu cơ khí thông dụng (1. Vật liệu kim loại) |
| | Bài 7: Truyền và biến đổi chuyển động | Tiết 15. Phần I: Một số cơ cấu truyền chuyển động |
| | Bài 8: Gia công cơ khí | Tiết 18. Phần I: Dụng cụ gia công cơ khí |

| Tài liệu sử dụng | Nội dung/Chủ đề | Phạm vi |
|---|---|---|
| | bằng tay | cầm tay |
| | Bài 11: Tai nạn điện | Tiết 26. Tai nạn điện |
| | Bài 19: Các bước cơ bản trong thiết kế kỹ thuật | Tiết 29. Phần I +Phần II. Nội dung các bước trong thiết kế kỹ thuật (Mục 1. Xác định vấn đề, xây dựng tiêu chí) |

**5. Giáo viên môn Địa lí**

| | | |
|---|---|---|
| Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí lớp 7 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2023 | Bài 4: Liên minh châu Âu. | Cả bài |
| | Bài 6: Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á. | Mục 1: Dân cư, tôn giáo |
| | Bài 11: Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở châu Phi | Cả bài |
| | Bài 15: Đặc điểm dân cư, xã hội, phương thức khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ | Mục 3: Phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ |
| | Bài 16: Đặc điểm tự nhiên Trung và Nam Mỹ | Mục 1: Sự phân hóa tự nhiên theo chiều Bắc - Nam |
| Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí lớp 8, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, năm 2023 | Bài 2: Địa hình Việt Nam | Mục 1. Đặc điểm chung của Địa hình |
| | | Mục 3. Ảnh hưởng của sự phân hóa địa hình đối với sự phân hóa tự nhiên và khai thác kinh tế |
| | Bài 3: Khoáng sản Việt Nam | Mục 3. Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản |
| | Bài 4: Khí hậu Việt Nam | Mục 1. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa |
| | | Mục 2. Sự phân hóa đa dạng của khí hậu Việt Nam |
| | Bài 6: Thủy văn Việt Nam | Mục 1b. Một số hệ thống sông lớn |
| | Bài 7: Vai trò của tài nguyên nước và tài nguyên khí hậu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta | Mục 1 và mục 2 |
| | Bài 8: Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thủy văn Việt Nam | Cả bài |
| | Bài 9: Thổ nhưỡng Việt Nam | Mục 2a. Ba nhóm đất chính |
| | Bài 11: Phạm vi Biển Đông, vùng biển đảo và đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam | Mục 3. Đặc điểm tự nhiên của vùng biển đảo Việt Nam |
| Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí lớp 9 - Kết nối | Bài 1: Dân tộc và dân số | Mục 1: Dân tộc |
| | Bài 2: Phân bố dân cư và các loại hình quần cư | Cả bài |

| | | |
|---|---|---|
| tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2023 | Bài 13: Vùng Đồng bằng sông Hồng | Mục 1 và mục 2 |
| | Bài 19: Vùng Đồng bằng sông Cửu Long | Mục 3 và mục 4 |
| | Bài 21: Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo | Mục 1 và mục 2 |

**6. Giáo viên môn Lịch sử**

| | | |
|---|---|---|
| Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí lớp 8, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, năm 2023 | Bài 1. Cách mạng tư sản Anh và Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ | Tiết 1 |
| | | Tiết 2 |
| | Bài 2. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII | Tiết 1 |
| | Bài 3. Cách mạng công nghiệp (nửa sau thế kỷ XVIII – giữa thế kỷ XIX) | Tiết 1 |
| | Bài 4. Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX | Tiết 1 |
| | Bài 5. Cuộc xung đột Nam – Bắc triều và Trịnh - Nguyễn | Tiết 2 |
| | Bài 7. Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII | Tiết 1 |
| | Bài 8. Phong trào Tây Sơn | Tiết 1 |
| | | Tiết 2 |
| | Bài 9. Tình hình kinh tế, văn hoá, tôn giáo trong các thế kỉ XVI – XVIII | Tiết 1 |
| | Bài 10. Sự hình thành của chủ nghĩa đế quốc ở các nước Âu – Mỹ (cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX) | Tiết 1 |
| | | Tiết 2 |
| | Bài 12. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) và cách mạng tháng mười Nga năm 1917 | Tiết 1 |
| | | Tiết 2 |
| | Bài 13. Sự phát triển của khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX | Tiết 1 |
| | Bài 14. Trung Quốc và Nhật Bản từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX | Tiết 1 |
| | Bài 17. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược từ năm 1858 đến năm 1884 | Tiết 2 |
| | Bài 18. Phong trào chống Pháp trong những năm 1885 – 1896 | Tiết 1 |
| | | Tiết 2 |
| | Bài 19. Phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1917 | Tiết 1 |

**7. Giáo viên môn Giáo dục công dân**

| Tài liệu sử dụng | Nội dung/Chủ đề | Phạm vi |
|---|---|---|
| Sách giáo khoa Giáo dục công dân lớp 7 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB | Tự hào về truyền thống quê hương | Toàn bộ Bài 1, trang 5-9. Trọng tâm: một số truyền thống của quê hương; ý nghĩa của truyền thống quê hương; những việc cần làm để giữ gìn, phát huy truyền thống; nhận diện và phê |

| Tài liệu sử dụng | Nội dung/Chủ đề | Phạm vi |
|---|---|---|
| Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2024 | | phán những việc làm gây tổn hại đến truyền thống tốt đẹp của quê hương. |
| | Quan tâm, cảm thông và chia sẻ | Toàn bộ Bài 2, trang 10-13. Trọng tâm: biểu hiện và ý nghĩa của sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ; cách thể hiện sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ với người khác; khích lệ, động viên và phê phán thái độ thờ ơ, vô cảm trước khó khăn của người khác. |
| | Học tập tự giác, tích cực | Toàn bộ Bài 3, trang 14-17. Trọng tâm: khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực; cách rèn luyện; vận dụng để nhận xét, xử lí các tình huống chưa tự giác, chưa tích cực trong học tập. |
| | Giữ chữ tín | Toàn bộ Bài 4, trang 18-23. Trọng tâm: khái niệm chữ tín; biểu hiện của giữ chữ tín và không giữ chữ tín; ý nghĩa của việc giữ chữ tín; cách rèn luyện và trách nhiệm phê phán những hành vi không giữ chữ tín. |
| | Bảo tồn di sản văn hóa | Toàn bộ Bài 5, trang 24-30. Trọng tâm: khái niệm di sản văn hóa; di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; ý nghĩa của di sản văn hóa; quy định cơ bản của pháp luật về quyền, nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hóa. |
| | Ứng phó với tâm lí căng thẳng | Toàn bộ Bài 6, trang 31-37. Trọng tâm: các tình huống gây căng thẳng; biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng; nguyên nhân và ảnh hưởng của tâm lí căng thẳng; các cách ứng phó tích cực và tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết. |
| | Phòng, chống bạo lực học đường | Toàn bộ Bài 7, trang 38-43. Trọng tâm: biểu hiện, nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường; cách phòng ngừa, ứng phó trước, trong và sau khi xảy ra bạo lực học đường; một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường. |

| Tài liệu sử dụng | Nội dung/Chủ đề | Phạm vi |
|---|---|---|
| | Quản lí tiền | Toàn bộ Bài 8, trang 44-49. Trọng tâm: ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả; các nguyên tắc quản lí tiền; sử dụng tiền hợp lí, đặt mục tiêu và thực hiện tiết kiệm tiền; học cách kiếm tiền phù hợp với khả năng và lứa tuổi. |
| | Phòng, chống tệ nạn xã hội | Toàn bộ Bài 9, trang 50-55. Trọng tâm: khái niệm và các loại tệ nạn xã hội phổ biến; nguyên nhân và hậu quả; một số quy định cơ bản của pháp luật; trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống tệ nạn xã hội. |
| | Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình | Toàn bộ Bài 10, trang 56-62. Trọng tâm: khái niệm và vai trò của gia đình; quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con, giữa anh, chị, em, giữa ông bà và cháu; vận dụng để nhận xét và xử lí các tình huống trong gia đình. |
| Sách giáo khoa Giáo dục công dân lớp 8 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2024 | Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam | Toàn bộ Bài 1, trang 5-9. Trọng tâm: một số truyền thống và giá trị của truyền thống dân tộc Việt Nam; biểu hiện của lòng tự hào; trách nhiệm giữ gìn, kế thừa và phát huy truyền thống; nhận diện những hành vi phù hợp hoặc trái với truyền thống dân tộc. |
| | Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc | Toàn bộ Bài 2, trang 10-15. Trọng tâm: sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới; ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng; những việc làm thể hiện sự tôn trọng; phê phán định kiến, kì thị và phân biệt chủng tộc. |
| | Lao động cần cù, sáng tạo | Toàn bộ Bài 3, trang 16-19. Trọng tâm: khái niệm và biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động; ý nghĩa đối với cá nhân và xã hội; cách rèn luyện; phê phán những biểu hiện lười biếng, thụ động trong lao động. |
| | Bảo vệ lẽ phải | Toàn bộ Bài 4, trang 20-24. Trọng tâm: khái niệm lẽ phải; sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải; cách bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động phù hợp; phê phán thái độ, hành vi không bảo vệ lẽ phải. |

| Tài liệu sử dụng | Nội dung/Chủ đề | Phạm vi |
|---|---|---|
| | Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên | Toàn bộ Bài 5, trang 25-34. Trọng tâm: sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; quy định cơ bản của pháp luật; một số biện pháp bảo vệ; trách nhiệm của học sinh; nhận diện và phê phán các hành vi gây ô nhiễm, khai thác trái phép, phá hoại tài nguyên thiên nhiên. |
| | Xác định mục tiêu cá nhân | Toàn bộ Bài 6, trang 35-40. Trọng tâm: khái niệm và các loại mục tiêu cá nhân; sự cần thiết phải xác định mục tiêu; cách xác định mục tiêu theo nguyên tắc S.M.A.R.T.; các bước lập và thực hiện kế hoạch để đạt mục tiêu cá nhân. |
| | Phòng, chống bạo lực gia đình | Toàn bộ Bài 7, trang 41-47. Trọng tâm: các hình thức, nguyên nhân và hậu quả của bạo lực gia đình; một số quy định của pháp luật; cách phòng ngừa, ứng phó khi và sau khi xảy ra bạo lực gia đình; trách nhiệm phê phán, đấu tranh với bạo lực gia đình. |
| | Lập kế hoạch chi tiêu | Toàn bộ Bài 8, trang 48-51. Trọng tâm: sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu; xác định mục tiêu và nguồn lực; xác định các khoản cần chi; thiết lập quy tắc thu, chi; thực hiện, kiểm tra và điều chỉnh kế hoạch chi tiêu. |
| | Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại | Toàn bộ Bài 9, trang 52-58. Trọng tâm: phân loại, nguy cơ và hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ, chất độc hại; quy định cơ bản của pháp luật; các biện pháp phòng ngừa; trách nhiệm của công dân và học sinh trong phòng ngừa các tai nạn này. |
| | Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân | Toàn bộ Bài 10, trang 59-69. Trọng tâm: vai trò của lao động; quyền và nghĩa vụ lao động của công dân; quy định về lao động chưa thành niên; quyền, nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động; nội dung cơ bản của hợp đồng lao động. |

**8. Giáo viên môn Giáo dục thể chất**

| Tài liệu sử dụng | Nội dung/Chủ đề | Phạm vi |
|---|---|---|
| Sách giáo khoa Giáo dục thể chất lớp 7 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023 | Chạy cự li ngắn (60m) trong chủ đề Vận động cơ bản | Phối hợp trong giai đoạn xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát |
| | Nhảy xa kiểu ngồi trong chủ đề Vận động cơ bản | Kĩ thuật bay trên không và rơi xuống cát |
| | Chạy cự li trung bình trong chủ đề Vận động cơ bản | Phối hợp trong giai đoạn chạy giữa quãng |
| | Bài thể dục trong chủ đề Vận động cơ bản | Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 1 - nhịp 10) |
| | | Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 21 - nhịp 30) |
| | Môn Cầu lông trong chủ đề Thể thao tự chọn | Kĩ thuật phát cầu thuận tay |
| | | Kĩ thuật đánh cầu cao tay bên phải |
| | Môn Bóng đá trong chủ đề Thể thao tự chọn | Kĩ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân |
| | | Kĩ thuật dẫn bóng bằng mu trong bàn chân |
| | Môn Bóng rổ trong chủ đề Thể thao tự chọn | Kĩ thuật hai bước ném rổ một tay trên vai |
| Sách giáo khoa Giáo dục thể chất lớp 8 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023 | Chạy cự li ngắn (100m) trong chủ đề Vận động cơ bản | Tiết 2: Phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng chạy CLN |
| | Nhảy cao kiểu bước qua trong chủ đề Vận động cơ bản | Tiết 2: Kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm) |
| | Chạy cự li trung bình trong chủ đề Vận động cơ bản | Tiết 1: Phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích |
| | Bài thể dục nhịp điệu trong chủ đề Vận động cơ bản | Tiết 1: Động tác chạy tại chỗ, động tác tay ngực của Bài thể dục nhịp điệu |
| | | Tiết 2: Động tác lườn và động tác bật nhảy co gối của Bài thể dục nhịp điệu |
| | Môn Cầu lông trong chủ đề Thể thao tự chọn | Tiết 1: Kĩ thuật đập cầu thuận tay |
| | | Tiết 2: Di chuyển ngang đập cầu thuận tay |
| | Môn Bóng đá trong chủ đề Thể thao tự chọn | Tiết 1: Kĩ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân |
| | | Tiết 3: Bài tập phối hợp dẫn bóng và đá bóng vào cầu môn. |
| | Môn Bóng rổ trong chủ đề Thể thao tự chọn | Tiết 2: Kĩ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp |

**9. Giáo viên môn Tin học**

| Tài liệu sử dụng | Nội dung/Chủ đề | Phạm vi |
|---|---|---|
| Sách giáo khoa Tin học 7 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2024. | Chủ đề 1: Máy tính và cộng đồng | Bài 2: Phần mềm máy tính (trang 10, 11, 12) |
| | Chủ đề 1: Máy tính và cộng đồng | Bài 3: Quản lí dữ liệu trong máy tính (trang 13, 14, 15) |
| | Chủ đề 3: Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số | Bài 5: Ứng xử trên mạng (trang 23, 24, 25) |
| | Chủ đề 4: Ứng dụng tin học | Bài 6: Làm quen với phần mềm bảng tính (trang 28, 29, 30,31) |
| | Chủ đề 4: Ứng dụng tin học | Bài 7: Tính toán tự động trên bảng tính (trang 34, 35, 36, 37) |
| | Chủ đề 4: Ứng dụng tin học | Bài 7: Tính toán tự động trên bảng tính (trang 37, 38) |
| | Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính | Bài 14: Thuật toán tìm kiếm tuần tự (trang 71, 72, 73) |
| | Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính | Bài 15: Thuật toán tìm kiếm nhị phân (trang 74, 75, 76) |
| | Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính | Bài 16: Thuật toán sắp xếp (trang 78, 79, 80, 81) |
| | Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính | Bài 16: Thuật toán sắp xếp (trang 81, 82) |
| Sách giáo khoa Tin học 8 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2024. | Chủ đề 2: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin | Bài 2: Thông tin trong môi trường số (trang 12, 13) |
| | Chủ đề 3: Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số | Bài 4: Đạo đức và văn hoá trong sử dụng công nghệ kĩ thuật số (trang 18, 19) |
| | Chủ đề 4: Ứng dụng tin học | Bài 5: Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế (trang 21, 22, 23) |
| | Chủ đề 4: Ứng dụng tin học | Bài 8a: Làm việc với danh sách dạng liệt kê và hình ảnh trong văn bản (trang 38, 40, 41) |
| | Chủ đề 4: Ứng dụng tin học | Bài 8b: Phần mềm chỉnh sửa ảnh (trang 56, 60, 61) |
| | Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính | Bài 12: Từ thuật toán đến chương trình (trang 73, 74) |
| | Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính | Bài 13: Biểu diễn dữ liệu (trang 76, 77, 78) |
| | Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính | Bài 15: Gỡ lỗi (trang 87, 88, 89, 90) |
| | Chủ đề 6: Hướng nghiệp với tin học | Bài 16: Tin học với nghề nghiệp (trang 91, 92) |
| | Chủ đề 6: Hướng nghiệp với tin học | Bài 16: Tin học với nghề nghiệp (trang 93, 94) |